

CÔNG TY CP NHỰA ĐỒNG NAI

Số: 848/CV - DNP

(v/v: Giải trình chênh lệch BCTC riêng và báo cáo hợp nhất năm 2021).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và báo cáo hợp nhất năm 2021 như sau:

Báo cáo tài chính riêng:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (Sau kiểm toán) VND	Năm 2020 (Sau kiểm toán) VND	Chênh lệch năm 2021/ năm 2020 VND	% chênh lệch %	Năm 2021 (Trước kiểm toán) VND	Chênh lệch báo cáo trước/ sau kiểm toán VND	% chênh lệch %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.329.899.417.749	1.869.955.286.928	459.944.130.821	25%	2.329.035.231.603	864.186.146	0%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.921.894.440)	(1.527.427.043)	(1.394.467.397)	91%	(2.921.894.440)	-	0%
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.326.977.523.309	1.868.427.859.885	458.549.663.424	25%	2.326.113.337.163	864.186.146	0%
Giá vốn dịch vụ cung cấp	(2.113.565.101.252)	(1.708.324.176.208)	(405.240.925.044)	24%	(2.113.565.101.252)	-	0%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	213.412.422.057	160.103.683.677	53.308.738.380	33%	212.548.235.911	864.186.146	0%
Doanh thu hoạt động tài chính	122.065.717.275	71.091.417.577	50.974.299.698	72%	122.065.717.275	-	0%
Chi phí tài chính	(154.657.999.215)	(96.991.457.768)	(57.666.541.447)	59%	(154.657.999.215)	-	0%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>(143.120.439.812)</i>	<i>(89.528.790.120)</i>	<i>(53.591.649.692)</i>	60%	<i>(143.120.439.812)</i>	-	0%
Chi phí bán hàng	(75.031.305.279)	(62.391.727.000)	(12.639.578.279)	20%	(75.031.305.279)	-	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(92.180.301.338)	(57.921.170.679)	(34.259.130.659)	59%	(92.180.301.338)	-	0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.608.533.500	13.890.745.807	(282.212.307)	-2%	12.744.347.354	864.186.146	7%
Thu nhập khác	1.788.894.231	2.048.209.444	(259.315.213)	-13%	2.653.080.377	(864.186.146)	-33%
Chi phí khác	(3.270.665.762)	(3.888.582.718)	617.916.956	-16%	(3.270.665.762)	-	0%
Lỗ khác	(1.481.771.531)	(1.840.373.274)	358.601.743	-19%	(617.585.385)	(864.186.146)	140%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.126.761.969	12.050.372.533	76.389.436	1%	12.126.761.969	-	0%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.415.698.442)	-	-	-	(2.567.856.019)	1.152.157.577	-45%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.711.063.527	12.050.372.533	(1.339.309.006)	-11%	9.558.905.950	1.152.157.577	12%



Chênh lệch kết quả kinh doanh trên báo cáo riêng

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo riêng năm 2021 giảm 1,34 tỷ VND so với năm trước, mặc dù doanh thu thuần tăng khoảng 25%, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid, cụ thể là các chi phí phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ khách hàng, chi phí lưu kho, chi phí logistic đều bị gia tăng so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2021 trên báo cáo riêng tăng thêm khoảng 1,15 tỷ VND so với báo cáo đã công bố chủ yếu do điều chỉnh lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi tính toán lại.

Báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (Sau kiểm toán)	Năm 2020 (Sau kiểm toán)	Chênh lệch năm 2021/ năm 2020	% chênh lệch	Năm 2021 (Trước kiểm toán)	Chênh lệch báo cáo trước/ sau kiểm toán	% chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.315.325.559.458	3.295.388.684.623	3.019.936.874.835	92%	6.424.396.212.530	(109.070.653.072)	-2%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(77.905.568.771)	(6.734.249.905)	(71.171.318.866)	1057%	(77.905.577.771)	9.000	0%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.237.419.990.687	3.288.654.434.718	2.948.765.555.969	90%	6.346.490.634.759	(109.070.644.072)	-2%
Giá vốn hàng bán	(5.249.928.107.677)	(2.714.354.790.486)	(2.535.573.317.191)	93%	(5.356.167.117.003)	106.239.009.326	-2%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	987.491.883.010	574.299.644.232	413.192.238.778	72%	990.323.517.756	(2.831.634.746)	0%
Doanh thu hoạt động tài chính	274.991.181.493	228.528.493.796	46.462.687.697	20%	265.854.162.121	9.137.019.372	3%
Chi phí tài chính	(547.246.261.865)	(322.987.999.545)	(224.258.262.320)	69%	(547.009.735.454)	(236.526.411)	0%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>522.479.865.588</i>	<i>312.945.226.602</i>	<i>209.534.638.986</i>	<i>67%</i>	<i>523.784.348.525</i>	<i>(1.304.482.937)</i>	<i>0%</i>
Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	11.595.637.695	21.584.714.541	(9.989.076.846)	-46%	11.489.998.634	105.639.061	1%
Chi phí bán hàng	(336.077.185.387)	(205.203.833.489)	(130.873.351.898)	64%	(335.904.810.060)	(172.375.327)	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(390.963.935.281)	(262.846.538.239)	(128.117.397.042)	49%	(401.996.694.079)	11.032.758.798	-3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(208.680.335)	33.374.481.296	(33.583.161.631)	-101%	(17.243.561.082)	17.034.880.747	-8163%
Thu nhập khác	54.712.848.572	5.998.221.931	48.714.626.641	812%	63.468.722.861	(8.755.874.289)	-16%
Chi phí khác	(11.029.042.919)	(6.407.929.579)	(4.621.113.340)	72%	(9.810.568.427)	(1.218.474.492)	11%
Lợi nhuận khác	43.683.805.653	(409.707.648)	44.093.513.301	-10762%	53.658.154.434	(9.974.348.781)	-23%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.475.125.318	32.964.773.648	10.510.351.670	32%	36.414.593.352	7.060.531.966	16%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(40.802.723.528)	(15.303.019.690)	(25.499.703.838)	167%	(42.291.665.403)	1.488.941.875	-4%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	20.073.795.105	9.423.451.518	10.650.343.587	113%	21.784.427.725	(1.710.632.620)	-9%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.746.196.895	27.085.205.476	(4.339.008.581)	-16%	15.907.355.674	6.838.841.221	30%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.343.057.378	13.332.664.479	(4.989.607.101)	-37%	2.065.959.522	6.277.097.856	75%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	14.403.139.517	13.752.540.997	650.598.520	5%	13.841.396.152	561.743.365	4%

36006626
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
TỈNH NAI
1-T.ĐỒ

Chênh lệch kết quả kinh doanh trên báo cáo hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất năm 2021 giảm khoảng 4,34 tỷ VND so với năm trước, trong khi doanh thu thuần tăng 92% (doanh thu tăng chủ yếu do tăng quy mô Tập đoàn và tăng trưởng doanh thu tại các công ty thành viên), tuy nhiên lợi nhuận sau thuế TNDN giảm do ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid làm cho giá nguyên vật liệu tăng, các chi phí logistic tăng, chia sẻ lợi nhuận để hỗ trợ các hoạt động chống dịch như miễn giảm giá nước, ủng hộ công tác phòng chống dịch bệnh...

Lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2021 trên báo cáo hợp nhất tăng thêm khoảng 6,8 tỷ VND so với báo cáo đã công bố chủ yếu do cập nhật đánh giá liên quan tài sản thuần hợp nhất của công ty con mà Công ty thực hiện mua trong kỳ.

Nay Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai xin giải trình với Ủy Ban Chứng Khoán, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư được rõ.

Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CP NHỰA ĐỒNG NAI

Ngày 31 tháng 03 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiếu

